

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 581/2024/HS-ST

Ngày 29 – 10 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Tam

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Phương Anh, Thư ký TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 571/2024/ TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 578/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Đinh Hữu Hoàng D**, sinh năm 1996, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Tổ 3, ấp 2, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng (Admin); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Hữu S, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1964. Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/06/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa (có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Đinh Hữu Hoàng D:** Luật sư Lê Thị Tú O - Văn phòng luật sư Dương Văn O, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. **Trần Thị T**, sinh năm 1997, tại Bình Thuận; nơi cư trú: Số 291, xóm 2, thôn 2, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Cửa hàng trưởng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình P, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết). Bị cáo

chưa có chồng con (có mặt). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/06/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị T:* Luật sư Dương Văn O – Văn phòng luật sư Dương Văn O, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Bị hại:* Công ty TNHH MTV Chuyên phát nhanh Thuận P.

Địa chỉ: 199 Điện Biên P, phường 15, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: 173/388 đường Điều X, tổ 5, khu phố 8, phường L, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Hữu Hoàng D và Trần Thị T là nhân viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên chuyên phát nhanh Thuận P (gọi tắt là Công ty Thuận P) có ký hợp đồng lao động. Ngày 31/08/2022 D được Công ty Thuận P giao nhiệm vụ Nhân viên Văn phòng Bưu cục (Admin Bưu cục), Trần Thị T được công ty giao nhiệm vụ Cửa hàng trưởng làm việc tại bưu cục 251A23, địa chỉ 14A/1 tổ 8, khu phố 11, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. D có nhiệm vụ điều phối hàng cho các nhân viên giao hàng và tiếp nhận tiền thu hộ do nhân viên giao hàng nộp về rồi chuyển cho T là Cửa hàng trưởng. T có nhiệm vụ quản lý nhân viên làm việc tại bưu cục, tiếp nhận tiền thu hộ do các shipper và các nhân viên văn phòng nộp rồi tổng hợp để nộp về Công ty Thuận P.

Quá trình làm việc tại Công ty Thuận P, D và T có quan hệ tình cảm với nhau. Khoảng tháng 02/2023 do cần tiền sử dụng cá nhân D nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bưu cục. Thực hiện ý định trên D nói với T, D sẽ lấy tiền thu được từ các nhân viên giao hàng và bản thân D sẽ lấy hàng đi giao rồi thu tiền của khách hàng nhưng chỉ giao cho T 01 phần, phần còn lại D lấy sử dụng cá nhân đồng thời đề nghị T lấy tiền thu được của ngày hôm sau bù vào số tiền ngày hôm trước D đã lấy để tránh bị phát hiện. Được sự đồng ý của T từ khoảng tháng 02/2023 D bắt đầu chiếm đoạt tiền của Công ty.

Đến khoảng 09 giờ ngày 22/03/2023 T tổng hợp số tiền phải nộp về công ty là 245.136.032 đồng (*hai trăm bốn mươi lăm triệu một trăm ba mươi sáu nghìn không trăm ba mươi hai đồng*) nhưng số tiền thực tế còn lại ở bưu cục không đủ do D đã chiếm đoạt 105.794.032 đồng (*một trăm linh năm triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn không trăm ba mươi hai đồng*). T đã điện thoại báo cho D biết số tiền còn thiếu. D nói T lấy hết số tiền hiện còn ở bưu cục nếu công ty phát hiện D sẽ nhận do D lấy. Khi T lấy tiền của bưu cục bỏ vào cốp xe mô tô của mình thì thay đổi ý định, T điện thoại thông báo cho bà Thị B là nhân viên pháp chế của

Công ty biết việc D đã lấy tiền thu hộ của Công ty Thuận P và không lên công ty làm việc. Bà B đã trình báo sự việc đến Công an phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Công an phường lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thụ lý giải quyết theo quy định.

Quá trình điều tra, các bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án khai nhận như Cáo trạng mô tả.

Về vật chứng:

+ Số tiền 105.794.032 đồng (*một trăm linh năm triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn không trăm ba mươi hai đồng*) của Công ty Thuận P bị D chiếm đoạt, sau đó sử dụng cá nhân hết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu hồi được.

+ Số tiền 139.342.000 đồng (*một trăm ba mươi chín triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) là tiền của Công ty Thuận P, sau khi tạm giữ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Anh T là đại diện theo ủy quyền của Công ty Thuận P.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax có số Imei 353892107390067 của T, T sử dụng để liên lạc, trao đổi với D trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 có số Imei 355870370090224 của D, D sử dụng để liên lạc, trao đổi với T trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội.

Tại Cáo trạng số 559/CT-VKSBH ngày 25/9/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Đinh Hữu Hoàng D, Trần Thị T về tội “Tham ô tài sản”, được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng truy tố các bị cáo Đinh Hữu Hoàng D, Trần Thị T về tội danh, điều luật áp dụng nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Hữu Hoàng D từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị T từ 04 (bốn) đến 05 (năm) tù về tội “Tham ô tài sản”.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax và điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Thuận P đã nhận số tiền 105.794.032 đồng do các bị cáo và gia đình các bị cáo tự nguyện

bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý với bản cáo trạng và truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, không có ý kiến tranh luận.

Luật sư O bào chữa cho bị cáo D, luật sư O bào chữa cho bị cáo T trình bày thống nhất với tội danh do Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố đối với các bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đề nghị. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm i, điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự để các bị cáo được hưởng hình phạt thấp hơn hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận đối với đối với ý kiến bào chữa của luật sư: xác định các hành vi phạm tội của các bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội lần đầu ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã hoàn thành đã gây ra hậu quả nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự. Đối với mức hình phạt đề nghị là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có cơ sở xác định: Bị cáo Đinh Hữu Hoàng D và Trần Thị T là nhân viên của Công ty Thuận P. Ngày 31/08/2022 bị cáo D được bổ nhiệm là Nhân viên văn phòng (admin) và bị cáo T được bổ nhiệm là Cửa hàng trưởng làm việc tại Bưu cục 251A23, địa chỉ 14A/1 tổ 8, khu phố 11, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Để có tiền sử dụng cá nhân, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao

trong khi quản lý tiền của các nhân viên shipper nộp cho D và thu tiền của khách hàng, từ khoảng tháng 02/2023 đến ngày 22/03/2023 với sự giúp sức của bị cáo T, bị cáo D đã chiếm đoạt số tiền 105.794.032đ (*một trăm linh năm triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn không trăm ba mươi hai đồng*) của Công ty Thuận P. Sau đó bị cáo D và T bị phát hiện khởi tố để điều tra xử lý theo quy định.

Xét thấy, hành vi của các bị cáo như đã nêu trên, đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Từ những căn cứ trên, xét thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm nghiêm trọng đến hoạt động đúng đắn, quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện hành vi là có lỗi cố ý. Các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 105.794.032 đồng nên đã phạm vào tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Vụ án có yếu tố đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự tổ chức, chuẩn bị, phân công nhiệm vụ. Bị cáo D là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo T dù không trực tiếp chiếm đoạt tài sản của Công ty nhưng có hành vi bao che, giúp sức để D thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty trong thời gian dài nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm giúp sức. Vì vậy cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc cách ly các bị cáo với đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Trong đó mức hình phạt đối với bị cáo D cao hơn mức hình phạt đối với bị cáo T.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại; đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo T là lao động chính trong gia đình có xác nhận của địa phương; gia đình bị cáo D có ông nội có công với sự nghiệp giáo dục, ông ngoại có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào tính chất, hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo lần đầu phạm tội, không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự,

có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt cho xã hội đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về vật chứng vụ án:

+ Số tiền 105.794.032đ (*một trăm linh năm triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn không trăm ba mươi hai đồng*) của Công ty Thuận P bị D chiếm đoạt, sau đó sử dụng cá nhân hết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được.

+ Số tiền 139.342.000đ (*một trăm ba mươi chín triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) là tiền của Công ty Thuận P, sau khi tạm giữ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Anh T là đại diện theo ủy quyền của Công ty Thuận P là đúng quy định pháp luật.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax có số Imei 353892107390067 của bị cáo T và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 có số Imei 355870370090224 của bị cáo D được các bị cáo sử dụng để liên lạc, trao đổi với nhau trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Thuận P đã nhận số tiền 105.794.032đ do các bị cáo và gia đình tự nguyện bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[6] Về vấn đề khác: Đối với hành vi của bị cáo Đinh Hữu Hoàng D xúi giục bị cáo Trần Thị T chiếm đoạt số tiền của Bưu cục để trả khoản vay ngân hàng mà trước đó T đứng ra vay giúp cho D, thực tế T đã lấy số tiền 99.452.000 đồng cất vào trong cốp xe mô tô để trong bưu cục nhưng sau đó bị cáo T thay đổi ý định, không thực hiện việc lấy số tiền này mà nhắn cho Thị B là nhân viên bộ phận pháp chế của Công ty đến giải quyết và cùng chị B đến Công an phường An Bình trình báo sự việc, không chiếm đoạt số tiền trên mà giao lại cho Công ty. Do vậy, hành vi này của các bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không xem xét, xử lý.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d, khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung

năm 2017.

Tuyên bố các bị cáo Đinh Hữu Hoàng D, Trần Thị T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Hữu Hoàng D 05 (năm) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/6/2024.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/6/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax có số Imei 353892107390067, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 có số Imei 355870370090224 theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đinh Hữu Hoàng D, Trần Thị T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Trúc Thủy